

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 24/11/2025

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ.

		16DTA1	16DTA2	17DNNA1	17DNNA2
2	S	Biên dịch T. Châu-4t P B3-CS2	Cú pháp học T. Út-4t P A3 – CS2	Dẫn luận ngôn ngữ Anh T. Châu-3t P A1 – Cơ sở 2	
	C			Dẫn luận đất nước học Anh T. Nghĩa-3t P B1-CS2	Nghe nói C1.2 C. Ý-4t P A2-CS2
3	S		Biên dịch T. Châu-4t P B6-CS2		Viết C1.2 C. Huyền-3t Phòng A2-CS2
	C	Biên dịch T. Châu-4t P 20-KHXH		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-3t GD8, CS2	
4	S		Biên dịch T. Châu-4t P B4-CS2	Viết C1.2 C. An-3t GD7-CS2	Dẫn luận ngôn ngữ Anh T. Châu-3t P A3 – Cơ sở 2
	C		Tiếng Anh báo chí T. Châu-4t P B5- CS2		Độc hiểu C1.2 T. Hiếu Trung-4t GD7- CS2
5	S	Ngữ nghĩa học T. Út-4t P A1 – Cơ sở 2	Ngữ nghĩa học C. Loan-4t P A3 – CS2	Nghe nói C1.2 C. Út-4t P GD7-CS2	
	C	Tiếng Anh báo chí C. Út - 4t P A2-CS2	Biên dịch T. Châu-4t P A1-CS2	Độc hiểu C1.2 C. Oanh-4t P A3-CS2	
6	S		Tiếng Anh báo chí		Dẫn luận đất nước học Anh

			T. Châu-4t P B8- CS2		T. Nghĩa – 4t P GD2-CS2
	C				Phương pháp NCKH T. Dân-4t Học Online
7	S				Phương pháp NCKH T. Dân-4t P 22- KHXH
	C				Phương pháp NCKH T. Dân-4t P 22- KHXH

Ghi chú: Lớp 16DTA1,2 sẽ thực tập ngôn ngữ vào khoảng tháng 11-12, vì vậy Giảng viên dạy 2 lớp lưu ý tiến độ để SV kịp đi thực tập 4 tuần.

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 24/11/2025

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

		18DNNA -Nhóm1	18DNNA – Nhóm 2	18DNNA –Nhóm 3	18DNNA1	18DNNA2	19DNNA1	19DNNA2	19DNNA3
2	S					Pháp luật đại cương C. Thêm-4t P.GĐ7 - CS2	Viết B1 C. Loan-3t P 19-KHXXH		ĐK & C. Long C. Thu – 4t Sân Cơ sở 2
	C					Tiếng Việt thực hành C. Nường – 3t P 19 – KHXXH	Độc hiểu B1 C. An-3t P 22-KHXXH	Ngữ âm thực hành cơ bản C. Tú-4t P 19-KHXXH	
3	S	Độc hiểu B2.2 T. Trung-3t P A2-CS2	Tiếng Pháp căn bản 2 T. Thoại-4t P A3-CS2	Tiếng Pháp căn bản 2 T. Tòng-4t P 22-KHXXH			ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	Nghe-Nói B1 C. Loan-4t P 19-KHXXH	Độc hiểu B1 C. Thảo-3t P 21-KHXXH
	C	Tiếng Pháp căn bản 2 T. Tòng-4t P A2 – CS2	Viết B2.2 T. Út-3t P A3 – CS2				Tin học căn bản T. Trọng-4t P 23-KHXXH	Độc hiểu B1 C. Thảo-3t P 22-KHXXH	Nghe-Nói B1 C. Huyền- 4t P 19-KHXXH
4	S	Độc hiểu B2.2 T. Trung-3t P A2 – CS2	Độc hiểu B2.2 C. Huyền-3 P A1 – CS2	Nghe-Nói B2.2 C Út-4t GĐ 8 – CS2			ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	Triết học Mác – Lênin T. Phương-4t P 22 – KHXXH	Ngữ âm thực hành cơ bản C. Ý-4t P 20-KHXXH
	C						Tin học căn bản T. Trọng-4t		Triết học Mác – Lênin

							P 23-KHXX		T. Phương-4t P 22 – KHXX
5	S	//	//	//	Pháp luật đại cương C. Thêm-4t P C05-CS2	Kỹ năng giao tiếp C. Trân-3t P A2-CS2	Nghe-Nói B1 C. Tú-4t P. 19-KHXX	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	ĐK & C. Long C. Thu – 4t Sân Cơ sở 2
	C	//	//	//	CNXH khoa học C. Lệ-4t (GD 7 – SS 102)		Triết học Mác – Lênin T. Phương-4t P 22 – KHXX	Tin học căn bản T. Trọng-4t P 23-KHXX	Viết B1 C. Huyền- 3t P 20-KHXX
6	S	Viết B2.2 T. Út-3t P A2 – CS2	Nghe-Nói B2.2 C Tú-4t P 20 – KHXX				Ngữ pháp cơ bản C. Oanh-3t GD 7-CS2	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	
	C	Nghe-Nói B2.2 C Út-4t P 19-KHXX					Ngữ âm thực hành cơ bản C. Ý-4t P 20-KHXX	Tin học căn bản T. Trọng-4t P 23-KHXX	
7	S	//	//	//	Tiếng Việt thực hành C. Nương – 4t P 18 – KHXX			Viết B1 C. Loan-3t P 19-KHXX	Tin học căn bản T. Thừa-2t P máy 5
	C	//	//	//	Kỹ năng giao tiếp C. Trân-3t P 21 – KHXX				

Ghi chú: Học phần Tin học căn bản, lớp 19DNNA1,2, do Thầy Trọng giảng dạy, do Thầy đang bận công tác, Lớp trưởng liên hệ trực tiếp để biết lịch cụ thể của Thầy, linh động thực hiện cho phù hợp.

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 24/11/2025

II. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN VIỆT NAM HỌC

		16DNV	17DTVVHVN	18DTVVHVN1	18DTVVHVN2	19DTVVHVN1 +19DVHDL	19DTVVHVN2
2	S	Văn học Việt Nam hiện đại 2 (1975 - nay) C Vân-4t P 18-KHXH	Thực hành văn bản tiếng Việt C Nương-3t P A2- Cơ sở 2		Quản trị văn phòng C. Phương-3t P 23-KHXH	Lịch sử VN ĐC T. Hiếu – 3t Phòng 21-KHXH	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2
	C	Phong cách học tiếng Việt T. Ngọc – 4t P A3-CS2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-3t Phòng A1- CS2	Tiếng Anh căn bản 2 C. Huyền – 4t P B2-CS2		ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	Lịch sử VN ĐC T. Hiếu – 3t Phòng 21-KHXH
3	S	Văn hoá giao tiếp - ứng xử C. Trân – 4t Phòng 22-KHXH		Quản trị văn phòng C. Phương-3t GD7-CS2	Từ vựng TV T. Hoàng – 3t Phòng A1- CS2	Tin học căn bản T. Bảo-4t P máy 6	Triết học Mác – Lênin T. Khang-4t P 20-KHXH
	C		Văn hoá thể giới T. Đua-4t P 21-KHXH	Từ vựng TV T. Hoàng – 3t Phòng A1- CS2			
4	S		Văn học Trung đại Việt Nam C Nương-3t P 18-KHXH	Môi trường và phát triển C. Xuân-4t P 19- KHXH		Tin học căn bản T. Bảo-4t P máy 6	Cơ sở văn hóa Việt Nam C. Phương-3t P 21-KHXH

	C	Nghị quyết tổ chức sự kiện và lễ hội C. Trân – 4t Phòng 19-KHXXH	Báo chí truyền thông Đại cương T. Dũng – 3t P 21-KHXXH	Văn học Trung đại Việt Nam C Nương-3t Phòng A2-CS2	Tổng quan du lịch T. Đua-3t Phòng 20-KHXXH		Ngôn ngữ học ĐC C. Đ Liên – 3t Phòng 18-KHXXH
5	S	Các tôn giáo trên TG&VN Cô Thu Trang – 4t Phòng 20-KHXXH	Văn hoá Đông Nam Á C. Lưu Liên-3t Phòng 23 - KHXXH	Văn hóa các dân tộc Việt Nam T. Đua-3t Phòng 22-KHXXH		Thống kê xã hội học T. Linh – 3t Phòng 21-KHXXH	Tin học căn bản T. Bảo-4t P máy 6
	C				Văn hóa các dân tộc Việt Nam T. Đua-3t P 21-KHXXH	Cơ sở văn hóa Việt Nam C. Phương-3t P 18-KHXXH	Tâm lý học ĐC T. Công – 4t Phòng 19-KHXXH
6	S	NP chức năng C. Đ Liên – 4t Phòng A3-CS2	Văn hoá ẩm thực Việt Nam C. Phương-3t P 18- KHXXH		Môi trường và phát triển C. Xuân-4t P 19- KHXXH		Tin học căn bản T. Bảo-4t P máy 6
	C	Phong tục và lễ hội ở Việt Nam T. Hưng-4t PA1-CS2	Ngữ dụng học T. Ngọc – 3t P A3-CS2	Tổng quan du lịch T. Đua-3t GD7-CS2	Văn học Trung đại Việt Nam C Nương-3t Phòng B4-CS2	Ngôn ngữ học ĐC C. Đ Liên – 3t Phòng 18-KHXXH	Thống kê XH học T. Minh – 3t Phòng 21-KHXXH
7	S				Tiếng Anh căn bản 2 T. Nghĩa -4T P 21 - KHXXH	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2	
	C					Triết học Mác – Lênin T. Khang-4t P 18-KHXXH	ĐK & Vovinam T. Mai – 4t Sân Cơ sở 2

Ghi chú: - Lớp 16DNV có thực tập nghiệp vụ chuyên ngành vào khoảng tháng 11-12, vì vậy Giảng viên dạy lớp này lưu ý tiến độ để đảm bảo SV đi thực tập 4 tuần.

-Tiếng Việt cho người nước ngoài – Trợ giảng TA Fulbright do TS Trương Thu Trang giảng dạy chiều thứ 5 hàng tuần, 2 tiết 2,3.

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 24/11/2025

I. CÁC LỚP THUỘC KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

[illegible]

								Cô Thoảng – 4t
7	S					Lịch sử Đảng CSVN-4t T. Tiến Phước GD3		
	C			Lịch sử Đảng CSVN-4t (Ghép 17DQTKD1,2) T. Tiến Phước (SS 63)				

		18DTCNH	18DQTKD + 18DQTDL&L H	19DQTKD1	19DQTKD2	19DKT1	19DKT2	19DTCNH1	19DTCNH2
2	S					Soạn thảo văn bản- 4t C. Lưu Liên P.C01			
	C							Soạn thảo văn bản- 3t C. Phương P.C05	
3	S	Tiếng Anh căn bản 3- 4t T. Nghĩa GD4	Tiếng Anh căn bản 3- 4t (Ghép 18DDL&LH) T. Bảo GD2			Tiếng anh căn bản 1- 4t C. Sang P.C01	Soạn thảo văn bản- 4t C. Lưu Liên		
	C								Soạn thảo văn bản- 3t C. Phương P.C05
4	S			Tiếng Anh căn bản 1- 4t C. Loan P.C03	Kỹ Năng mềm- 4t C. Trân P.C04				
	C								

5	S				Tiếng Anh căn bản 1-4t C. Oanh P.C04	Triết học MLN- 4t T. Khang (SS 98)			
	C								
6	S			Triết học MLN- 4t T. Khang (SS 87)				Tiếng Anh căn bản 1-4t C. Thảo	
	C								Tiếng Anh căn bản 1-4t T. Nam Trung
7	S		CNXH khoa học Cô Thoảng – 4t				Tiếng Anh căn bản 1-4t C. Ý	Triết học MLN- 4t T. Khang (SS 76)	
	C								

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 24/11/2025

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

		17DCNPM	17DCNTT1	17DCNTT2	18DCNPM	18DCNTT1	18DCNTT2	19DCNPM	19DCNTT1	19DCNTT2
2	S				Tiếng Anh căn bản 3-4t T. Bảo	Tiếng Anh căn bản 3 C. Út-4t 18DCNTT1		Tiếng Anh căn bản 1 C. Tú-4t		
	C									
3	S									
	C									
4	S									
	C		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t		Tiếng Anh căn bản 3-4t T. Bảo	Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t			Tiếng Anh căn bản 1, T. Nghĩa – 4t (cô An dạy thay)	
5	S									Tiếng Anh căn bản 1, T. Nghĩa – 4t
	C				Tiếng Anh căn bản 3-4t T. Bảo		Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t	Triết học Mác – Lênin T. Hiệp-4t	Tiếng Anh căn bản 1, T. Nghĩa – 3t (cô An dạy thay)	

6	S				Chủ nghĩa XHKKH Cô Kiều Trang – 3t		Tiếng Anh căn bản 3 C. Loan-4t			
	C			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t				Triết học Mác – Lênin T. Hiệp-4t		
7	S	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t								
	C								Triết học Mác – Lênin T. Hiệp-4t GD 7 (SS 119)	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 24/11/2025

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA SƯ PHẠM

		17DGDTH1	17DGDTH2	17DGDTH3	18DGDTH1	18DGDTH2	18DGDTH3	18CGDMN
2	S	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam C. Kiều – 4t Phòng B1-KSP						
	C							
3	S		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam C. Kiều – 4t Phòng B2-KSP			Tiếng Anh căn bản 2 C. An - 4T Phòng B5- KSP		
	C				Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t			
4	S			Đảng cộng sản Việt Nam C. Kiều – 4t Phòng B3-KSP		Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t		Tiếng Anh căn bản 2 C. Oanh-4t
	C							
5	S						Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 4t	
	C							

6	S				Tiếng Anh căn bản 2 C. An - 4T Phòng B4-KSP			
	C							
7	S							
	C							

		19DGDTH1	19DGDTH2	19DGDTH3	19DGDMN
2	S				Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin T. Phương - 4T GD8-KSP
	C				
3	S			Tiếng Việt thực hành C. Nường - 3T Phòng A6-KSP	
	C		Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T Phòng B8- KSP		
4	S				
	C				
5	S	Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T Phòng B7-KSP	Tiếng Việt thực hành C. Nường - 4T Phòng B8- KSP		
	C				
6	S	Tiếng Việt thực hành C. Nường - 3T Phòng B7-KSP		Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T Phòng A6-KSP	
	C				Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin T. Phương - 4T GD8-KSP

7	S				
	C				

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 24/11/2025

III. CÁC LỚP THUỘC KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

		17DNTTS1	17DNTTS2	17DNTCNC	17DBVMTTS + 17DBVTV +17DCNTY	18DNTTS	18DNTCNC	18DBVTV + 18DCNTY +18DKHMT
2	S					Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t	Tiếng Anh cơ bản 3 C Sang – 4t	
	C							
3	S						Chủ nghĩa XHKH Cô Kiều Trang – 3t	
	C							
4	S							Tiếng Anh căn bản 3 T. Bảo-4t
	C							
5	S	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t				Tiếng Anh căn bản 3 C. An-4t		CNXH khoa học C. Lệ-4t
	C		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều-4t					
6	S			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				

				C. Kiểu-4t				
	C							
7	S							
	C							

		19DBVTV-20 19DCNTY-22	19DNTCNC	19DNTTS1	19DNTTS2-30 19DKHMT-10
2	S				
	C			Triết học Mác – Lênin T. Phương 4t	
3	S			Tiếng Anh căn bản 1 C. Oanh-4t	Triết học Mác – Lênin T. Phương 4t
	C				
4	S				Tiếng Anh căn bản 1 T. Út – 4t 19DNTTS2-30 19DKHMT-10
	C				
5	S		Tiếng Anh căn bản 1 C. Ý – 4t		
	C	Tiếng Anh căn bản 1 C Hạnh-4t			
6	S				
	C				
7	S	Triết học Mác – Lênin T. Hiệp-4t GD 7 (Ghép 3 lớp) (SS 81)			
	C				

THÔNG TIN LIÊN HỆ LÃNH ĐẠO KHOA, GIẢNG VIÊN, VĂN PHÒNG KHOA

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
I	Lãnh đạo Khoa			
1	Trương Thu Trang	0939.818269	tttrang@blu.edu.vn	Phó Trưởng khoa Phụ trách
II	Văn phòng Khoa			
2	Đỗ Chí Tâm	0845.505005	dctam@blu.edu.vn	
III	Bộ môn Lí luận chính trị			
3	Diệp Kiều Trang	0913.458.993	dktrang@blu.edu.vn	Trưởng BM
4	Sơn Thanh Thoảng	0945.971.185	stthoang@blu.edu.vn	
5	Trương Thị Kiều	0944.878527	ttkieu@blu.edu.vn	
6	Trần Tam Phương	0913806429	ttphuong@blu.edu.vn	
IV	Bộ môn Ngoại ngữ			
7	Nguyễn Ái Hoàng Châu	0918.480.131	nahchau@blu.edu.vn	Trưởng BM
8	Phạm Thanh Loan	0982.299.295	ptloan@blu.edu.vn	Phó Trưởng BM
9	Nguyễn Trúc An	0944.212.403	ntan@blu.edu.vn	
10	Nguyễn Hiếu Trung	0919.753.783	nhtrung@blu.edu.vn	
11	Tạ Thị Kim Oanh	0916.337.654	ttkoanh@blu.edu.vn	
12	Nguyễn Thị Sang	0919.747.633	ntsang@blu.edu.vn	
13	Võ Thị Ngọc Huyền	0945.762.545	vtnhuyen@blu.edu.vn	
14	Nguyễn Văn Út	0946.463.232	nvut@blu.edu.vn	
15	Ngô Ngọc Thảo	0943.288.579	nnthao@blu.edu.vn	
16	Liên Trọng Nghĩa	0835.575.799	ltnggia@blu.edu.vn	
17	Huỳnh Thị Út	0949.436.959	htut@blu.edu.vn	
18	Nguyễn Thanh Tòng	0917.548.248	nttong@blu.edu.vn	
19	Lê Minh Thoại	0939.239.765	lmthoai@blu.edu.vn	
20	Sầm Ngọc Khả Tú	0793.659.644	snktu@blu.edu.vn	

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
21	Trương Thị Như Ý	0972.996.939	ttny@blu.edu.vn	
22	Dương Thế Bảo	0776.514.675	dtbao@blu.edu.vn	
V	Bộ môn Việt Nam học			
23	Lê Kiều Nương	0974.277.402	lknuong@blu.edu.vn	Trưởng BM
24	Dương Minh Ngọc	0919.434.845	dmngoc@blu.edu.vn	
25	Lưu Thị Liên	0914.967.349	ltlien@blu.edu.vn	
26	Lữ Thị Thuỳ Vân	0939.096.318	littvan@blu.edu.vn	
27	Võ Thị Diễm Phương	0973.647.503	vtdphuong@blu.edu.vn	
28	Phạm Thị Kiều Trân	0845.763.688	ptktran@blu.edu.vn	
29	Phan Việt Đua	0834.174477	pvduda@blu.edu.vn	
30	Nguyễn Phước Hưng	0907.071.441	nphung@blu.edu.vn	
VI	GIẢNG VIÊN NGOÀI TRƯỜNG			
31	Trương Thị Phúc	0986938896	phuctctbl@gmail.com	Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh Cà Mau
32	Lê Quốc Khởi	0978896896	quockhoibtc@gmail.com	Trường Chính trị tỉnh CM
33	Tô Hoàng Hiệp	0913.631977	hieptctbaclieu@gmail.com	Trường Chính trị tỉnh CM
34	Nguyễn Tiến Phước	0913039797	tienphuoctct@yahoo.com.vn	Trường Chính trị tỉnh CM
35	Lê Cẩm Lệ	0918053290	lecamle.bl@gmail.com	Trường Chính trị tỉnh CM
36	Lê Minh Hiền	0916121714	lmhien76@gmail.com	Trường Chính trị tỉnh CM
37	Võ Minh Khang	0983828893	vominhkhang73@gmail.com	Trường Chính trị tỉnh CM
38	Trần Kim Cương	0916357281	kimcuongtctcvd@gmail.com	Trường Chính trị tỉnh CM
39	Lê Ánh Tuyết	0949228039	leanhtuyetduk@gmail.com	
40	Thái Công Dân	098 2223384	tcdan@ctu.edu.vn	Trường Đại học Cần Thơ
41	Lý Hồng Thái	091 8625533	lhthai@ctu.edu.vn	Trường Đại học Cần Thơ
42	Nguyễn Tuyết Hạnh	0986164098	nguyentuyethanhbl@gmail.com	TT GDTX và Hướng nghiệp BL
43	Lư Trung Dũng	0937.722.000	trungdungbaobl@gmail.com	Báo và Đài Phát thanh truyền hình Cà Mau
44	Đỗ Hoàng Lam	0949.934.943	hoanglambaobl@gmail.com	Báo và Đài Phát thanh truyền hình Cà Mau
45	Trang Minh Thừa	0916.876.870		Trường Cao đẳng KTKT Bạc Liêu

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
VII	VĂN PHÒNG CÁC KHOA			
46	Cô Huyền	0949.925.616		Văn phòng Khoa Kinh tế và Luật
47	Cô Nhân	0949.373.097		Văn phòng Khoa Sư phạm
48	Cô Nhiên	0943.217.232		Văn phòng Khoa Kỹ thuật và công nghệ
49	Cô Phương	0919.007.188		Văn phòng Khoa Nông nghiệp và Thủy sản